**ĐÁNH GIÁ GIÁO TRÌNH LIFE, DƯỚI GÓC NHÌN CỦA GIÁO VIÊN**

***ThS. Trần Thị Thúy Quỳnh***

 ***BM: Biên phiên dịch***

***Tóm tắt***

Đánh giá giáo trình có vai trò quan trọng trong quy trình đào tạo, giúp người sử dụng xác định được giáo trình có đáp ứng được các mục tiêu đề ra hay không đồng thời việc đánh giá giúp giáo viên nâng cao năng lực chuyên môn. Bài báo này trình bày kết quả khảo sát 14 giáo viên về giáo trình Life đang được sử dụng cho hệ không chuyên ngữ tại Trường Đại học Nha Trang. Kết quả khảo sát cho thấy, ngoài những hạn chế có thể khắc phục được, giáo trình Life nhìn chung đã đáp ứng được các tiêu chí của một giáo trình tốt.

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Giáo trình được coi là một hợp phần quan trọng trong hầu hết các chương trình giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ, đối với cả người dạy và người học (Hidyet, 2010). Hiện nay giáo trình vẫn là tài liệu được sử dụng nhiều nhất trong trong các lớp học ngoại ngữ, đóng vai trò như là trái tim của một chương trình đào tạo, cung cấp đầu vào cần thiết cho người học thông qua các hoạt động đa dạng cho cả bốn kỹ năng. Theo Richards (2001), chương trình đào tạo sẽ không mang lại kết quả nếu như không có giáo trình. Việc sử dụng giáo trình có thể đảm bảo rằng sinh viên ở tất cả các lớp học ở cùng cấp độ sẽ được dạy cùng một nội dung như nhau, do đó sẽ được đánh giá khách quan. Ngoài ra, giáo trình thường đi kèm với các học liệu khác như sách bài tập, CD, video,…giúp cho việc học tập và giảng dạy trở nên thú vị và hiệu quả hơn.

Tuy nhiên có nhiều nhà nghiên cứu còn hoài nghi về tính hữu dụng của giáo trình. Allwright (1982) cho rằng giáo trình quá cứng nhắc và thường phản ánh sở thích hay khuynh hướng về giảng dạy, tâm lý và ngôn ngữ của tác giả. Hơn nữa, nội dung và ngôn ngữ trong giáo trình không tự nhiên, không phù hợp với mục đích học để giao tiếp (Cathcart, 1989, trích dẫn bởi Litz, 2005), đơn giản hóa quá ngôn ngữ thực tế, dẫn tới cái nhìn không thực tế về các tình huống có thật ở ngoài đời.

Cho dù có nhiều ý kiến trái chiều về vai trò của giáo trình, cũng không thể phủ nhận một thực tế là giáo trình vẫn được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới và là một phần tối quan trọng trong một chương trình đào tạo tiếng Anh như một ngoại ngữ.

Đánh giá là một yếu tố không thể thiếu trong đào tạo, cung cấp cho người dạy nhiều thông tin bổ ích để bổ sung và điều chỉnh cho các bài học trong tương lai (Rea-Dickens và Germaine, 1994 trích dẫn bởi Hidayet, 2010)

Đánh giá giáo trình giúp người sử dụng có thể trả lời được câu hỏi liệu giáo trình mà họ đang sử dụng có đáp ứng được nhu cầu của người học cũng như mục tiêu, giá trị của chương trình đào tạo (Curnningsworth, 1997). Ngoài ra đánh giá giáo trình còn giúp giáo viên nâng cao được năng lực chuyên môn (Ellis, 1997).

**II. TÍNH CẦN THIẾT VÀ MỤC ĐÍCH CỦA NGHIÊN CỨU**

Giáo trình “ Life” đã được sử dụng cho các lớp tiếng Anh không chuyên tại ĐHNT từ 2016. Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện tại chưa có một nghiên cứu nào đánh giá về giáo trình này ở ĐHNT cũng như các nơi khác ở Việt Nam. Do đó, việc đánh giá giáo trình Life là một hoạt động cần thiết. Nghiên cứu này nhằm đánh giá tính hiệu quả của giáo trình nói trên.

**1. Câu hỏi nghiên cứu**

1. Hình thức và thiết kế của giáo trình hiệu quả ở mức độ nào?
2. Các hoạt động trong giáo trình có hiệu quả ở mức độ nào?
3. Các kỹ năng mà giáo trình tập trung phát triển có hiệu quả ở mức độ nào?
4. Ngôn ngữ của giáo trình có hiệu quả ở mức độ nào?
5. Chủ đề và nội dung của giáo trình hiệu quả ở mức độ nào
6. Đánh giá chung của giáo trình hiệu quả ở mức độ nào?

**2. Phương pháp nghiên cứu**

**Phương pháp**: Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi điều tra (được thiết kế dựa trên bảng câu hỏi do Hidayat thiết kế). Bảng điều tra gồm 31 câu hỏi, trong đó 29 câu theo hình thức trắc nghiệm với các lựa chọn giảm dần về mức độ đồng ý, cụ thể là “Đồng ý hoàn toàn”, “Đồng ý”, “Đồng ý phần nào”, “Không đồng ý”, “Hoàn toàn không đồng ý”. Bộ câu hỏi gồm 7 nhóm chủ đề, bao gồm: (1) thông tin cá nhân; (2) hình thức và thiết kế của giáo trình; (3) Các hoạt động trong giáo trình; (4) Các kỹ năng; (5) Ngôn ngữ sử dụng; (6) Chủ đề, nội dung; (7) Đánh giá chung

**Thành phần tham gia**: 14 giáo viên tiếng Anh của khoa Ngoại ngữ, ĐHNT (bao gồm 13 nữ, 1 nam). Số năm giảng dạy tiếng Anh trung bình của nhóm giáo viên này là 10,4 năm (trong đó người có thâm niên cao nhất là 37 năm, người có thâm niên thấp nhất là 1 năm). Số học kỳ trung bình mà nhóm giáo viên này đã dạy giáo trình Life là 4,4 học kỳ.

**III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ THẢO LUẬN**

Kết quả khảo sát cho câu hỏi nghiên cứu thứ nhất “Hình thức và thiết kế của giáo trình hiệu quả ở mức độ nào?” được trình bày tại bảng 1. Howard và Major (2005, được trích dẫn bởi Litz, 2005) cho rằng hình thức, tính thân thiện với người dùng, độ bền và khả năng tái sử dụng của giáo trình là một trong những yếu tố được quan tâm nhất khi lựa chọn một giáo trình. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết giáo viên (64,3%) hoàn toàn đồng ý giáo trình Life có phần mục lục tóm tắt các điểm chính của mỗi bài học như ngữ pháp, từ vựng, ngôn ngữ chức năng, phát âm, nghe, đọc, kỹ năng tư duy, nói và viết. Tương tự, giáo trình được giáo viên đánh giá là có cách thiết kế và trình bày phù hợp, rõ ràng. Tất cả các bài học (units) của Life đều có các đầu mục và cách trình bày giống nhau. Cụ thể, mỗi bài học đều chia làm tám phần từ unit opener tới unit review và các phần trong tất cả các bài học đều có định dạng và kỹ năng giống nhau (ví dụ phần “b” trong tất cả các bài học đều bắt đầu bằng một bài đọc và kết thúc bằng một hoạt động nói). Ngoài ra, các chủ điểm và mục tiêu của mỗi bài học đều được tóm tắt và trình bày trên đầu, dưới cùng ở mỗi trang và ở phần ôn tập (review) của giáo trình (50% giáo viên đồng ý và 28,6% hoàn toàn đồng ý với câu hỏi đánh giá). Một ưu điểm khác của Life đó là sách giáo viên mô tả rất chi tiết các bước cũng như các hoạt động cần tiến hành nhằm giúp cho bài học thêm sinh động. Sách giáo viên còn cung cấp thêm những thông tin bên lề, những câu chuyện đằng sau của mỗi bức ảnh hay video, giúp cho người sử dụng giáo trình có thêm thông tin bổ ích. Tuy nhiên, điểm hạn chế của giáo trình là mới chỉ cung cấp danh mục từ vựng quan trọng cho phần video mà bỏ qua từ vựng của các phần còn lại. Điều này được thể hiện ở câu trả lời của giáo viên khi 21,4% hoàn toàn không đồng ý với câu hỏi khảo sát. Một nhược điểm khác của giáo trình là không có mục gợi ý kỹ năng làm bài kiểm tra hay thi (35,7% giáo viên đồng tình). Thực tế, giáo trình có cung cấp các bài thi (tests) tương ứng cho mỗi bài học nhưng lại trình bày ở cuối sách giáo viên nên không phải giáo viên nào cũng biết được điều đó.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các đầu mục đánh giá | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Đồng ý phần nào | Không đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý |
| **Hình thức và thiết kế** | % | % | % | % | % |
| 1. Giáo trình có mục lục giới thiệu tóm tắt ngữ pháp, chức năng ngôn ngữ, từ vựng, các kỹ năng của mỗi bài học
 | 64,3 | 14,3 | 21,4 | 0 | 0 |
| 1. Cách thiết kế và trình bày giáo trình phù hợp và rõ ràng
 | 50 | 42,9 | 7,1 | 0 | 0 |
| 1. Giáo trình có danh mục từ vựng thiết yếu và thỏa đáng cho mỗi bài học
 | 14,3 | 28,6 | 35,7 | 21,4 | 0 |
| 1. Giáo trình có phần Ôn tập và bài tập thích hợp cho mỗi bài học
 | 14,3 | 64,3 | 21,4 | 0 | 0 |
| 1. Giáo trình có các practice tests hoặc gợi ý kỹ năng làm bài kiểm tra, đánh giá
 | 7,1 | 21,4 | 35,7 | 21,4 | 14,3 |
| 1. Giáo trình có sách giáo viên, hướng dẫn cụ thể làm cách nào để sử dụng giáo trình một cách hiệu quả nhất
 | 42,9 | 35,7 | 21,4 | 0 | 0 |
| 1. Người sử dụng giáo trình hiểu rõ ràng các mục tiêu của giáo trình
 | 28,6 | 50 | 21,4 | 0 | 0 |

*Bảng 1: Hình thức và thiết kế*

Kết quả khảo sát cho câu hỏi nghiên cứu thứ 2 “Các hoạt động trong giáo trình có hiệu quả ở mức độ nào?” được trình bày ở bảng 2. Theo Brown (2001), hoạt động là tất cả những việc sinh viên làm trên lớp, bao gồm sắm vai, luyện tập, sửa bài chéo, hoàn thành đoạn văn và nhiều hình thức khác. Và các giáo trình ngày càng có xu hướng xây dựng các hoạt động có tính khích lệ người học yêu thích ngoại ngữ. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết giáo viên đồng ý phần nào với các nhận xét đánh giá về mảng hoạt động của giáo trình Life.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các đầu mục đánh giá | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Đồng ý phần nào | Không đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý |
| **Hoạt động**  | % | % | % | % | % |
| 1. Giáo trình có sự cân bằng giữa các hoạt động (ví dụ giáo trình vừa có các hoạt động/ bài tập tự do vừa có các hoạt động phải có sự kiểm soát của giáo viên nhằm đảm bảo cả sự trôi chảy lẫn tính chính xác trong ngôn ngữ của người học)
 | 7,1 | 42,9 | 50 | 0 | 0 |
| 1. Các hoạt động/ bài tập trong giáo trình có tình giao tiếp và thực hành cao
 | 0 | 42,9 | 57,1 | 0 | 0 |
| 1. Giáo trình có hoạt động cá nhân, theo cặp và theo nhóm
 | 21,4 | 28,6 | 50 | 0 | 0 |
| 1. Ngữ pháp và từ vựng được giới thiệu trong ngữ cảnh thực tế và lôi cuốn
 | 57,1 | 42,9 | 0 | 0 | 0 |
| 1. Các hoạt động kích thích câu trả lời/ phản hồi sáng tạo và độc lập
 |  | 42,9 | 42,9 | 14,3 | 0 |
| 1. Giáo viên có thể điều chỉnh, sửa đổi các hoạt động đã được thiết kế trong giáo trình
 | 21,4 | 28,6 | 50 | 0 | 0 |

*Bảng 2: Hoạt động*

Kết quả khảo sát cho câu hỏi nghiên cứu thứ 3 “Các kỹ năng mà giáo trình tập trung phát triển có hiệu quả ở mức độ nào?” được thể hiện ở bảng 3. Theo Hinkel (2006, trích dẫn bởi Shameen Ahmed, 2016), dạy bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết có vai trò đặc biệt quan trọng trong dạy ngoại ngữ và việc kết hợp dạy cả bốn kỹ năng khi thiết kế giáo trình cũng tương tự như vậy. Bảng 3 cho thấy đa số giáo viên đồng ý giáo trình có các hoạt động nhằm phát triển các sub-skills như listening for gist, note-taking, skimming (64,3%); giáo trình bao gồm và tập trung vào các kỹ năng mà người học cần thực hành (57,1%), Giáo trình có các hoạt động, bài tập giúp phát âm tự nhiên (64,2%). Tuy nhiên 50% giáo viên chỉ đồng ý phần nào và 7,1% giáo viên không đồng ý giáo trình có sự cân bằng giữa bốn kỹ năng. Có thể thấy giáo trình Life có sự phân bố hoạt động và nội dung nhiều hơn cho kỹ năng nói, thường gấp đôi các kỹ năng khác và khá ít cho kỹ năng viết. Lấy unit 2, Competitions (A2-B1) làm ví dụ. Trong bài học này, có 3 hoạt động dành cho kỹ năng nghe, 6 hoạt động dành cho kỹ năng nói, 3 hoạt động dành cho kỹ năng đọc và 1 hoạt động dành cho kỹ năng Viết.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các đầu mục đánh giá | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Đồng ý phần nào | Không đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý |
| **Kỹ năng** | % | % | % | % | % |
| 1. Giáo trình bao gồm và tập trung vào các kỹ năng mà người học cần thực hành
 |  | 57,1 | 35,7 | 7,1 | 0 |
| 1. Giáo trình có sự cân bằng giữa bốn kỹ năng
 | 14,3 | 28,6 | 50 | 7,1 | 0 |
| 1. Giáo trình có các hoạt động nhằm phát triển các sub-skills như listening for gist, note-taking, skimming...
 | 14,3 | 50 | 35,7 | 0 | 0 |
| 1. Giáo trình có các hoạt động, bài tập giúp phát âm tự nhiên (như trọng âm và ngữ điệu)
 | 7,1 | 57,1 | 35,7 | 0 | 0 |

*Bảng 3: Kỹ năng*

Kết quả khảo sát cho câu hỏi nghiên cứu thứ 4 “Ngôn ngữ của giáo trình có hiệu quả ở mức độ nào” được trình bày ở bảng 4. 71,4% giáo viên cho rằng ngôn ngữ sử dụng trong giáo trình là ngôn ngữ từ thực tế, có thật trong cuộc sống. Cathcart (1989) và Lee (1995) (được trích dẫn bởi Lizt, 2005) cho biết khi sinh viên được tiếp cận với tài liệu thực tế thì họ không những được tiếp thu ngôn ngữ chân thực mà còn giúp họ tăng động lực học tập. Một ưu điểm khác của Life đó là các đặc điểm ngữ pháp và từ vựng được giới thiệu theo tiến trình phù hợp, ví dụ các thì hiện tại đơn sẽ được giới thiệu trước thì quá khứ đơn. Yếu tố này được 71,4% giáo viên đồng tình. Tuy nhiên, 57,1% giáo viên đồng ý phần nào ngôn ngữ trong giáo trình phù hợp với năng lực ngôn ngữ của sinh viên và 7,1% giáo viên không đồng ý các đặc điểm ngữ pháp được giới thiệu với các ví dụ cùng giải thích đơn giản, xúc tích

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các đầu mục đánh giá | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Đồng ý phần nào | Không đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý |
| **Ngôn ngữ** | % | % | % | % | % |
| 1. Ngôn ngữ sử dụng trong giáo trình là ngôn ngữ từ thực tế, có thật trong cuộc sống
 | 7,1 | 64,3 | 28,6 | 0 |  |
| 1. Ngôn ngữ trong giáo trình phù hợp với năng lực ngôn ngữ của sinh viên
 | 0 | 42,9 | 57,1 | 0 |  |
| 1. Các đặc điểm ngữ pháp và từ vựng được giới thiệu theo tiến trình phù hợp
 | 7,1 | 64,3 | 28,6 |  |  |
| 1. Các đặc điểm ngữ pháp được giới thiệu với các ví dụ cùng giải thích đơn giản, xúc tích
 | 14,3 | 42,9 | 35,7 | 7,1 |  |

*Bảng 4: Ngôn ngữ*

Kết quả khảo sát cho câu hỏi nghiên cứu thứ 5 “Chủ đề và nội dung của giáo trình hiệu quả ở mức độ nào” được trình bày ở bảng 5. Có thể nhận thấy, phần lớn giáo viên chưa hài lòng với các chủ đề và nội dung của giáo trình Life. 57,1% giáo viên đồng ý phần nào và 21,4% giáo viên không đồng ý chủ đề và nội dung của giáo trình phù hợp với nhu cầu của người học. Tương tự, chỉ có 28,5% giáo viên cho rằng chủ đề và nội dung của giáo trình có tính thực tế. Bên cạnh đó, các chủ đề và nội dung của giáo trình chưa được đánh giá cao về độ phong phú, và đa dạng. (50% đồng ý phần nào, 7,1% không đồng ý). Một điểm mạnh của Life ở đầu mục này là giáo trình không có định kiến tiêu cực về văn hóa (100% giáo viên đồng ý và đồng ý phần nào). Những yếu tố và đặc điểm văn hóa từ các vùng miền và quốc gia trên toàn thế giới được giới thiệu bằng ngôn ngữ tường thuật, không bao gồm nhận xét hay bình phẩm mang tính chủ quan của tác giả.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các đầu mục đánh giá | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Đồng ý phần nào | Không đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý |
| **Chủ đề và nội dung** | % | % | % | % | % |
| 1. Chủ đề và nội dung của giáo trình phù hợp với nhu cầu của người học
 | 7,1 | 14,3 | 57,1 | 21,4 | 0 |
| 1. Chủ đề và nội dung của giáo trình có tính thực tế
 | 7,1 | 21,4 | 57,1 | 14,3 | 0 |
| 1. Chủ đề và nội dung của giáo trình hấp dẫn và lôi cuốn
 | 14,3 |  | 78,6 | 0 | 0 |
| 1. Các chủ đề và nội dung của giáo trình phong phú, đa dạng
 | 14,3 | 28,6 | 50 | 7,1 | 0 |
| 1. Giáo trình không có định kiến tiêu cực về văn hóa
 | 35,7 | 57,1 | 7,1 | 0 | 0 |

*Bảng 5: Chủ đề và nội dung*

Kết quả khảo sát cho câu hỏi nghiên cứu thứ 6 “Đánh giá chung của giáo trình hiệu quả ở mức độ nào?” được trình bày ở bảng 6. Theo đó, 46.2% giáo viên cho rằng giáo trình phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường., 46.2% đồng ý phần nào và 7,7% không đồng ý. Ngoài ra, 23,1% giáo viên đồng ý giáo trình kích thích niềm yêu thích học tiếng Anh cho sinh viên. 57,2% giáo viên cho rằng giáo trình nên tiếp tục được sử dụng cho chương trình đào tạo tiếng Anh không chuyên của nhà trường.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các đầu mục đánh giá | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Đồng ý phần nào | Không đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý |
| **Đánh giá chung** | % | % | % | % | % |
| 1. Giáo trình phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường
 | 7,7 | 38,5 | 46,2 | 7,7 | 0 |
| 1. Giáo trình kích thích niềm yêu thích học tiếng Anh cho sinh viên
 | 0 | 23,1 | 69,2 | 7,7 | 0 |
| 1. Nhà trường nên tiếp tục sử dụng giáo trình này
 | 14,3 | 42,9 | 42,9 | 0 | 0 |

*Bảng 6: Đánh giá chung*

**IV. KẾT LUẬN**

Kết quả khảo sát 14 giáo viên đã và đang dạy Giáo trình Life cho thấy giáo trình có nhiều ưu điểm hơn nhược điểm. Hầu hết giáo viên được hỏi cho rằng giáo trình đã đảm bảo về mặt hình thức và thiết kế, hoạt động, kỹ năng, ngôn ngữ, theo đó giáo trình nên tiếp tục được sử dụng. Tuy nhiên giáo trình chưa có danh mục từ vựng thiết yếu cho mỗi bài học cũng như chưa cung cấp cho người học các kỹ năng học tập hay làm bài thi. Ngoài ra, giáo trình chưa đảm bảo được sự cân bằng giữa bốn kỹ năng, có sự chênh lệch lớn giữa kỹ năng nói và kỹ năng viết. Chủ đề và nội dung của giáo trình chưa thực sự phù hợp với người học, do đó tính lôi cuốn chưa cao. Giáo trình sẽ hoàn thiện hơn nếu được chỉnh sửa, bổ sung những yếu tố nêu trên.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Allwright (1981). What do we want teaching material for?. https://academic.oup.com/eltj/article-abstract/36/1/5/430947
2. Ellis R (1997). The Emperical Evaluation of Language Teaching Material. <http://files.fernandamunoz.webnode.es/200000043-1e19a1f132/The_empirical_evaluation_of_language_teaching_material.pdf>
3. Hidayat T (2010) TEFL textbook evaluation: from teacher’s perspectives. <http://www.academicjournals.org/article/article1379623669_Hidayet.pdf>
4. Litz DRA (2005). Textbook evaluation and ELT management: a South Korean Casestudy

<https://www.asian-efl-journal.com/Litz_thesis.pdf>

1. Richards JC (2001). The role of textbooks in a language program. Cambridge University Press
2. Shameem A (2016). An evaluation of Effective Communcation Skills Coursebook. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1127210.pdf>